

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày 16 - 12 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Tiệp.

2. Ông Hà Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:
Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/TLST – DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01A/2022/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐ - DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đinh Văn N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản L, xã K, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H, sinh năm 1984. Bản L, xã K, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị X, sinh năm 1974. Địa chỉ: Bản T, xã K, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2022 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tháng 3 năm 2018 chị Nguyễn Thị X có mua của anh N một xe thóc trị giá 269.600.000đ, tuy nhiên sau khi mua xong phía anh N đã bàn giao đầy đủ số thóc thì chị X không có tiền trả và đã vay nợ anh N số tiền 269.600.000đ để trả cho anh N vì bản thân anh N cũng cần phải trả tiền thóc cho chủ hàng của anh,

khi vay tiền anh N để trả tiền thóc thì chị X đã viết một giấy nhận nợ đề ngày 15/3/2018, thừa nhận có nợ số tiền 269.600.000đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) này và hẹn hết tháng 3/2018 sẽ trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) trước, số còn lại đến tháng sau sẽ trả. Tuy nhiên, khi đến hẹn thì chị X không thực hiện trả số tiền nợ trên, đến nay chị X vẫn không trả được phần nào số tiền nợ trên mà mới chỉ trả lãi được hai lần với tổng số tiền là 31.600.000đ (ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Nay anh khởi kiện ra Tòa án đề nghị chị Nguyễn Thị X phải trả cho anh số tiền vay nợ gốc là 269.600.000đ và lãi chậm trả phát sinh trong 4 năm = $269.600.000đ \times 10\%/năm \times 4 \text{ năm}$ (kể từ ngày 01/5/2018 đến hết ngày 30/4/2022) = 107.840.000đ. Tổng số tiền anh N yêu cầu chị X phải trả là 345.840.000đ (đã trừ đi số tiền 31.600.000đ đã trả lãi trước đó). Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh N có bổ sung yêu cầu khởi kiện là tính lãi chậm trả của số tiền vay nợ đến hết ngày 30/11/2022 là thêm 15.726.600đ. Như vậy, tổng số tiền anh N yêu cầu chị X phải trả bao gồm gốc và lãi chậm trả là: 361.566.600đ (Ba trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm nghìn đồng).

Do bận công việc nên anh N và người đại diện theo ủy quyền đều đã có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập chị Nguyễn Thị X họp lệ nhiều lần theo đúng quy định nhưng chị X đều không có mặt để giải quyết việc khởi kiện của anh N tại Tòa án, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị X về yêu cầu giải quyết theo đơn khởi kiện của anh N đối với chị.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với mẫu chữ ký của chị Nguyễn Thị X trong giấy nhận nợ đề ngày 15/3/2018. Tại kết luận giám định số 1498/KL – KTHS ngày 06/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: mẫu chữ ký mang tên Nguyễn Thị X trên giấy nhận nợ đề ngày 15/3/2018 và mẫu chữ ký Nguyễn Thị X trong mẫu so sánh là đúng cùng một người ký ra.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của anh Đinh Văn N đối với chị Nguyễn Thị X.

Buộc chị Nguyễn Thị X phải trả cho anh Đinh Văn N tổng số tiền là 361.566.600đ, bao gồm: tiền vay nợ gốc là 269.600.000đ và lãi chậm trả kể từ ngày 01/5/2018 đến hết ngày 30/11/2022 là 91.966.600đ (đã trừ đi số tiền lãi là 31.600.000đ đã thanh toán trước đó).

- Về án phí: Anh Đinh Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã và đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện của anh Đinh Văn N đối với chị Nguyễn Thị X cư trú tại huyện Sông Mã. Xét đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng và được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ vào nội dung của giấy nhận nợ đề ngày 15/3/2018 thì xác định được thời hạn mà chị X phải trả hết nợ cho anh N là tháng 4 năm 2018 nhưng kể từ đó chị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với anh N. Do vậy, xác định thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của anh N bị xâm phạm là kể từ tháng 5 năm 2018. Như vậy, thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng dân sự là 03 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích bị xâm phạm, do vậy thời hiệu khởi kiện là đến hết tháng 5 năm 2021. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị X không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án về cả nội dung và hình thức và cũng không thuộc trường hợp được yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, vụ án này không thuộc trường hợp áp dụng thời hiệu, Tòa án vẫn thụ lý và tiến hành giải quyết theo thủ tục tố tụng Dân sự chung là đúng quy định.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Văn N đã có văn bản thể hiện ý kiến và thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản cho chị Trần Thị H toàn quyền tham gia tố tụng, cả anh N và chị H đã cho ý kiến tại phiên họp kiểm tra chứng cứ công khai và hòa giải, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm anh N và chị H không thể có mặt tại phiên tòa được và đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Đối với chị Nguyễn Thị X mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng chị X đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ tranh chấp, nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Đinh Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị X phải trả lại số tiền vay nợ gốc là 269.600.000đ và lãi chậm trả kể từ tháng 5 năm 2018 đến hết tháng 4 năm 2022. Xét các bên trong quan hệ giao kết hợp đồng này là các cá nhân với nhau không có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản.

[4.2] Về nội dung khởi kiện:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập xác định được: Trước khi thực hiện việc vay tiền thì giữa anh N và chị X có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau. Sau khi mua hàng của anh N mà không có tiền để trả chị X đã vay tiền của anh N để trả tiền hàng. Việc vay tiền này chị X đã viết một giấy nhận nợ với nội dung có nợ anh N số tiền là 269.600.000đ và hẹn sẽ trả thành hai đợt, đợt 1 trả 100.000.000đ vào tháng 3 năm 2018 và số còn lại sẽ trả vào tháng sau (tức tháng 4 năm 2018). Tuy quá trình giải quyết vụ án chị X không có mặt và không cho ý kiến gì về việc vay nợ này cũng như nội dung trong giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên căn cứ vào kết luận giám định số 1498/KL – KTHS ngày 06/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La về chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ đề ngày 18/3/2022 do nguyên đơn cung cấp xác định được đây đúng là chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Thị X. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận nội dung khởi kiện của nguyên đơn đối với chị Nguyễn Thị X là có căn cứ chấp nhận.

Xét về nội dung và hình thức của hợp đồng khi giao kết đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, việc giao kết giữa các bên là tự nguyện và các bên khi giao kết hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nội dung của giấy nhận nợ là số tiền vay nợ gốc là 269.600.000đ, thời hạn trả cuối là tháng 4 năm 2018, không có thỏa thuận về lãi suất. Do vậy, xác định đây là hợp đồng vay nợ có kỳ hạn và không có lãi suất, việc áp dụng lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau: $04 \text{ năm} \times \frac{1}{2} 20\% \times 269.600.000\text{đ} = 107.840.000\text{đ}$, đối với số tiền lãi phát sinh này bản thân nguyên đơn cũng thừa nhận đã được chị Nguyễn Thị X trả hai lần với tổng số tiền là 31.600.000đ, nên sẽ được khấu trừ đi số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn; Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh N có bổ sung yêu cầu khởi kiện là tính lãi chậm trả của số tiền vay nợ đến hết ngày 30/11/2022 là thêm 15.726.600đ, cách tính lãi này của nguyên đơn là phù hợp với quy định về tính lãi chậm trả được quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền bao gồm cả gốc và lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2018 đến hết ngày 30/11/2022 bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 361.566.600đ, bao gồm: tiền vay nợ gốc là 269.600.000đ và lãi chậm trả kể từ ngày 01/5/2018

đến hết ngày 30/11/2022 là 91.966.600đ (đã trừ đi số tiền lãi là 31.600.000đ đã thanh toán trước đó).

[5] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí thực hiện việc giám định chữ ký là 7.000.000đ, nguyên đơn đã ứng ra để thanh toán trước và có yêu cầu bị đơn phải chịu chi phí này. Xét thấy yêu cầu này là đúng quy định và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn chi phí để thực hiện việc giám định.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 160, 161; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 2 Điều 149, Điều 154, Điều 385, 398, 401, 463, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu khởi kiện:

1.1 Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của anh Đinh Văn N đối với chị Nguyễn Thị X.

Buộc chị Nguyễn Thị X phải trả cho anh Đinh Văn N tổng số tiền bao gồm gốc và lãi là: 361.566.600đ. Trong đó, số tiền vay nợ gốc là 269.600.000đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) và lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2018 đến hết ngày 30/11/2022 (sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả là 31.600.000đ) số tiền lãi còn lại phải thanh toán tiếp là: 91.966.600đ (Chín mươi một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

1.2 Buộc chị Nguyễn Thị X phải hoàn trả cho anh Đinh Văn N tiền chi phí giám định là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án thì bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Anh Đinh Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0001662 ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.078.330đ (Mười tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết đúng quy định.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Nhung